

DANH SÁCH LIỆT SĨ PHƯỜNG VĂN AN, THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

I. LIỆT SĨ THỜI KỲ CHỐNG PHÁP

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Nhập ngũ	Đơn vị	Hy sinh	Cấp bậc, chức vụ	Quê quán
1	NGUYỄN VĂN ÁI	1923	1947	Xã Đội Văn An	26/01/1950	Xã đội trưởng	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
2	NGUYỄN VĂN UÔNG	1926	1949	C 911	10/3/1952	Trung đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
3	NGUYỄN VĂN LÊ	1932	02/1951		10/7/1954		Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
4	NGUYỄN VĂN YẾN	1928	10/1950	Du kích xã Văn An	08/02/1953	Thôn đội trưởng	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
5	NGUYỄN VĂN SÁCH	1932	02/1952	C911	06/10/1952	Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
6	TRẦN VĂN CHÚC	1921	06/1950	C911	09/01/1951	Trung đội phó	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
7	TRẦN ĐÌNH XƯƠNG	1930	01/1952	Du kích Văn An	24/06/1954	Du kích	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
8	NGUYỄN VĂN TRỊNH	1931	01/1950		16/09/1952		Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
9	NGUYỄN VĂN ĐUÔNG	1923	06/1946	UB hành chính xã Văn An	10/12/1952	Ủy viên UBHC	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
10	NGUYỄN VĂN TUÔNG	1932	19/3/1951	C 911	19/6/1953	Tiêu đội phó	Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh, HD
11	NGUYỄN THỊ DẬU	1920	1950	Du kích xã Văn An	17/5/1952	Du kích	Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh, HD
12	NGUYỄN VĂN CHIẾN						Xóm An ninh
13	TRẦN VĂN NGANH	1907	1947	UB hành chính xã Văn An	11/11/1950	Ủy viên UBHC	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
14	TRẦN VĂN TƯỚC	1929	1949	Du kích - xã Văn An	07/7/1952	Du kích	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
15	TRẦN VĂN ĐẦY	1926	02/1951		04/09/1951	Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
16	LS chưa xác định được thông tin						
17	NGUYỄN VĂN DÃ (Tử sĩ)	1932	02/1952		04/05/1953	Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
18	NGUYỄN VĂN PHÁC	1922	07/1947	Đội du kích xã Văn An	28/02/1952	Đội viên du kích	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
19	NGUYỄN VĂN SƯỜNG	1907					Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh, HD
20	NGUYỄN VĂN CHỦ	1909	01/01/1945	UB kháng chiến xã Văn An	14/04/1948	Phó Chủ tịch UBKC	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
21	NGUYỄN VĂN KHOA	1925	06/1950		04/1954		Thái Học, Chí Linh, HD
22	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	1927	1947	E 48	05/03/1952	Chuẩn úy, Trung đội trưởng	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
23	NGUYỄN VĂN BẢO	1927	07/1947	C 911	17/01/1951	Tiêu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
24	PHẠM VĂN VƯỢNG	1934	1952		27/03/1954	Tiêu đội phó	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
25	ĐẶNG VĂN THOA	1927	08/1947	C 35, D 215, E 98	15/03/1949	Tiêu đội phó	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
26	NGUYỄN VĂN LUÂN	1928	09/1949	C 98, Tiểu đoàn Bạch Đằng	10/01/1953	Tiêu đội phó	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD

27	GIÁP VĂN HỶ	1938	1958	F 308	03/1959	Binh nhất, Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
28	NGUYỄN VĂN BẦY	1929	08/1947	C 911	21/09/1952	Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
29	ĐỖ VĂN CHƯ	1922	1953	C 911	23/02/1954	Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
30	NGUYỄN VĂN PHẠO	1930	12/01/1954	C 911	02/06/1954	Chiến sĩ	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
31	NGUYỄN VĂN BẦY	1921	07/1948	C 38, D215, E 48	24/02/1954	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
32	NGUYỄN VĂN TÂN	1926	10/1948		20/01/1951	Tiểu đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
33	ĐỖ VĂN ĐỨC	1921	10/1949		11/1950		Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
34	NGUYỄN VĂN PHÙNG	1926	05/1951		12/06/1952	Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
35	NGUYỄN VĂN DIỆN	1933	07/1952		02/1953		Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
36	NGUYỄN BUI CẨM	1924	05/1945	Ban tình báo đặc biệt tỉnh Hải Dương (1946-1950)	27/10/1950	Cán bộ quân báo	Tân Việt, Thanh Hà, HD
37	ĐÀO QUANG MỸ	1924	08/1948	C154, D29, E88, Sư đoàn 308	29/02/1953	Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
38	PHẠM VĂN THUẬN	1934		C 220,D910,E 148,QK Tây Bắc	1953	Chiến sĩ	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD

II. LIỆT SĨ THỜI KỲ CHỐNG MỸ

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Nhập ngũ	Đơn vị	Hy sinh	Cấp bậc, chức vụ	Quê quán
1	NGUYỄN VĂN SỸ	1950	15/6/1967	Z 40, đoàn 367	15/12/1972	Trung đội phó	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
2	NGUYỄN VĂN QUYÊN (Nguyễn Đức Quyền)	1954	08/1972	E 38	27/10/1975	Trung sĩ, Tiểu đội trưởng	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
3	NGÔ QUANG CHI (Ngô Quang Tri)	1946	08/1968	C12, D1, Đoàn 155	19/09/1970	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
4	ĐỖ VĂN KHIÊN (Đỗ Quang Kiên)	1945	10/6/1966	D 1, Trung đoàn 3, KN	14/07/1969	Chính trị viên phó đại đội	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
5	TRẦN VĂN LƯ	1942	04/1962	Trung đoàn 4, KN	07/01/1968	Đại đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
6	NGUYỄN QUỐC PHÒNG	1950	03/1968		26/12/1971	Trung đội trưởng	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
7	HOÀNG VĂN CỎN	1938	07/1967	P2	01/03/1969	Tiểu đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
8	NGUYỄN VĂN SƠN	1952	12/1969	Tiểu đoàn 6, KN	22/03/1971	Tiểu đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
9	NGUYỄN VĂN LANH	1946	01/1969	KB	20/10/1970	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
10	BUI VĂN THANH	1948	01/1967	KB	14/01/1969	H ² , Tiểu đội phó	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
11	NGUYỄN VIỆT NHAM	1945	04/1962	NB	12/05/1969	Chuẩn úy, Quân y sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD

12	ĐỖ VĂN PHIÊN	1950	01/1967	D 12 - KN	17/03/1971	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
13	NGUYỄN VĂN NHỎ	1937	09/1965	Tiểu đoàn 1, E 36, KB	31/10/1966	Hạ sĩ, Chính trị viên đại đội	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
14	HOÀNG VĂN TƯ	1938	07/1968	P3	10/02/1970	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
15	ĐỖ MINH HUỆ	1951	08/1971	C 18, E 3, F 9, KB	25/7/1974	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
16	NGÔ QUANG BÓN	1943	02/1961	KN	28/10/1967	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
17	NGUYỄN VĂN XUNG	1940	02/1969	9143	12/02/1969	H ² , Liên lạc	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
18	NGUYỄN VĂN KHOÁT	1949	02/1968	C 78, tỉnh đội Quảng Ngãi	01/09/1968	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
19	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	1947	02/1968	V 102, KB	11/05/1970	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
20	ĐỖ VĂN THI	1945	01/1967		11/01/1973	Trung đội phó	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
21	VƯƠNG VĂN LUY	1948	07/1967	KN	06/01/1970	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
22	NGUYỄN VĂN THANH	1944	07/1967	Tiểu đoàn 5, KN	10/12/1968	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
23	NGUYỄN VĂN TUỆ	1940	02/1963	Quân khu 5	02/04/1969	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
24	TRẦN VĂN PHAO	1935	04/1965	P2	19/08/1968	Trung sĩ, Y tá	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
25	NGUYỄN VĂN THỌ	1933	09/1965	Tiểu đoàn 24, KB. MT	01/02/1968	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
26	GIÁP VĂN KHƯƠNG	1949	08/1971	KH	24/12/1972	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
27	VƯƠNG VĂN LIÊU	1949	03/1967	P2	01/06/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
28	NGUYỄN VĂN MÙA	1948	04/1966	S 22, KB	15/12/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
29	NGUYỄN VĂN NGÂN	1949	1968	Quân khu 5	02/10/1970	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
30	TRẦN VĂN DÍCH	1948	09/1965		21/05/1974		Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
31	PHẠM VĂN NHÂM (Trần Văn Nhâm)	1949	02/1966	Quân khu 5	12/02/1969	Trung sĩ, Tiểu đội trưởng	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
32	NGUYỄN XUÂN BỊCH (Nguyễn Văn Bịch)	1953	09/1967	Tiểu đoàn 429, KB. R15	12/08/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
33	NGUYỄN VĂN HOẠT	1938	03/1967	D 7, E 20	26/06/1968	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
34	NGUYỄN VĂN CÀ	1952	03/1970	F4	04/12/1973	Trung sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
35	TRẦN VĂN SÁN	1946	04/1968	KB	11/05/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
36	NGUYỄN VĂN HỎI	1945	07/1967	Đoàn 429, KT	12/07/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
37	PHẠM VĂN VINH	1952	04/1970	Tiểu đoàn 573 KN	23/05/1972	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
38	TRẦN VĂN THI	1953	12/1971	C5, D2, E1, Sư đoàn 324	19/06/1972	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
39	TRẦN HUY TÍNH	1950	03/1967	C 20, Quân khu 9	19/04/1973	Chính trị viên phó Đại đội	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
40	ĐỖ VĂN TÀI	1949	06/1968	P 5. KB	05/06/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
41	ĐỖ VĂN TỔNG	1949	03/1967	KN	25/10/1968	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
42	GIÁP VĂN HANH	1947	05/1971	Tiểu đoàn 1, KT	24/09/1973	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD
43	NGUYỄN VĂN BỘ	1939	09/1965	E 284	08/12/1968	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoàn, Văn An, Chí Linh, HD

44	TRẦN TIẾN MÍCH	1950	03/1967	D 71, E 20 KN	26/06/1968	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh, HD
45	NGUYỄN ĐỨC CHÚNG	1955	12/1970	E 3, KB	18/07/1974	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
46	ĐỒNG THẾ TUY (Đồng Thế Tuy)	1949		Quân khu 5	12/02/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
47	NGUYỄN VĂN HOÀ	1954	04/1972	g.488, cục quản lí xe, TC hậu cần	26/08/1972	Binh Nhì, Chiến sĩ lái xe	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
48	BÙI XUÂN TIẾN	1950	07/1968	P 2	14/04/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	
49	LÊ HUY TUNG	1952	04/1970	Đại đội 9, Tiểu đoàn 3, KH	27/02/1971	Binh Nhất, Chiến sĩ	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
50	NGUYỄN VĂN MỸ (Nguyễn Văn Mị)	1950	06/1968	Quân khu 5	01/10/1970	Hạ sĩ, Q phó	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
51	GIÁP VĂN VĨNH	1949	01/1967	KN	29/07/1974	Thiếu úy, Trung đội trưởng	Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh, HD
52	PHẠM VĂN HỒNG	1938	05/1958	KN	27/11/1968	Thượng úy, Đại đội trưởng	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh , HD
53	ĐỖ VĂN TUYÊN	1940	04/1963	Tiểu đoàn 2, Bộ tư lệnh B5	22/09/1972	Thượng úy, Đại đội trưởng	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
54	LÊ QUỐC TRI	1939	08/1967	NB	12/05/1969	Chuẩn úy, Trung đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh , HD
55	NGUYỄN XUÂN LIÊN	1950	02/1968	E 420, Đoàn đặc công	04/12/1973	Trung đội trưởng	Tường, Văn An, Chí Linh, HD
56	NGUYỄN XUÂN CỬ	1947	03/1967	NB	21/05/1972	Thiếu úy, Trung đội trưởng	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh , HD
57	PHẠM VĂN NHƯỢNG	1936	10/07/1967	Đại đội 6, Tiểu đoàn 5, KN	02/10/1968	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh , HD
58	TRẦN ĐÌNH HÂN	1948	04/1966	D 2, E 1, Sư đoàn 9 KB	12/04/1968	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
59	ĐỖ VĂN ĐỐI	1935	24/09/1965	Tiểu đoàn 4, KB	15/06/1969	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
60	PHẠM VĂN QUYNH	1952	04/1970	Đại đội 7/KN	27/01/1973	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
61	ĐỖ TIẾN THỊNH	1953	05/1971	D 8, KB	09/12/1973	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh , HD
62	NGUYỄN VĂN NHÂN	1950	02/1968	C 90, tinh đội Quảng Đức	15/10/1971	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Tường, Văn An, Chí Linh , HD
63	TRẦN DUY PHỄ	1947	07/1966	C 9, D9 đơn vị 1450	02/06/1970	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh , HD
64	ĐỖ VĂN CỐT	1939	10/10/1963	C102, QK Đông Bắc Bộ	04/08/1966	Trung sĩ, Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh , HD
65	ĐÀO THẾ VINH	1952	12/1971	C5, D338, Sư đoàn 312 ^B P4	21/07/1974	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh , HD
66	ĐỖ NGỌC BÍCH	1950	12/1967	Đại đội 17 KT	21/12/1972	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh , HD
67	TRẦN XUÂN ĐỨC	1936	14/04/1965	Tiểu đoàn 8, KN	09/09/1969	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
68	VŨ ĐÌNH HAI (Vũ Đình Tuyền)	1953	07/1969	P2	07/12/1974	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
69	NGUYỄN VĂN THỨ	1939	07/1967	Đại đội 5, tiểu đoàn 5 KN	17/08/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh , HD
70	NGUYỄN XUÂN CÔI	1952	01/01/1971	C18, E209,F7, Quân đoàn 4	08/01/1973	H2, Tiểu đội trưởng	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh , HD
71	NGUYỄN VĂN TÂM	1953	12/1971	P2	03/03/1975	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh , HD
72	VŨ ĐỨC THƯỜNG	1940	07/1967	Quân khu 5	10/02/1969	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Đoài, Văn An, Chí Linh , HD
73	NGUYỄN XUÂN LIÊU	1943	08/1967	Tiểu đoàn 40, K.BM	28/03/1970	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh , HD
74	NGUYỄN VĂN TÂN	1932	03/1966		05/06/1969		Nam Tân, Nam Sách , Hải Dương

75	TRẦN VĂN THUYỀN	1943	02/1965	E 675	31/01/1969	Hạ sĩ, Lái xe	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
76	NGUYỄN VĂN THẢO	1936	07/07/1967	KN	15/09/1972	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
77	NGUYỄN VĂN NGHỊ	1950	06/1968	P2	07/01/1971	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
78	ĐỖ VĂN ĐỊNH	1952	18/04/1970	KN	29/07/1972	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
79	NGUYỄN MINH NỘI	1947	07/1967	Đại đội 3, Tiểu đoàn 4, KN	14/01/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
80	PHẠM VĂN VƯỢNG	1951	1969	P2	07/01/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
81	NGUYỄN VĂN HIẾU	1955	06/1972	D 312, F3, Quân khu 9. KB	12/02/1975	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
82	TRẦN ĐÌNH KIẾN	1951	06/1969	P2	07/01/1971	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
83	NGÔ QUANG MÔNG	1951	06/1969	P2	07/01/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
84	NGUYỄN VĂN NGÀ (Nguyễn Tiến Nga)	1950	06/1968	C3, D 435, E 568	09/06/1969	Binh Nhất, Chiến sĩ	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
85	NGUYỄN VĂN HỒNG	1950	09/1968	Đại đội 2, tiểu đoàn 7, KB	02/02/1971	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
86	NGUYỄN VĂN NHẠC	1938	07/1967	Tiểu đoàn 3, KBM	23/02/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
87	NGUYỄN VĂN LIÊN	1933	07/1968	K.N.P (614)	12/12/1970	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
88	TRẦN ĐÌNH HIẾU	1933	12/1967	Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 7, KB	18/08/1968	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
89	NGUYỄN VĂN SÁCH	1949	10/1970	C6, D8, E209, Sư đoàn 312	07/09/1972	Binh Nhất, Chiến sĩ	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
90	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	1946	10/02/1967	C9, D3, E 219, BTL công binh	22/05/1969	Binh Nhất, Y tá	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
91	BÙI TRỌNG THIỆN	1935	09/1965	Đại đội 3 KB/mt	29/12/1969	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
92	ĐỖ VĂN TÀI	1954	19/04/1972	C 5, D 38, E 101, F 325	27/01/1973	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
93	ĐÀO VĂN ĐÀN	1951	10/12/1972	E 312, Quân khu 9	01/12/1975	Chiến sĩ	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
94	NGUYỄN VĂN DUYÊN	1934	02/1965		03/1970		Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
95	ĐÀO BÁ THIỆP	1945	09/1965	Đoàn 90, KB	04/02/1967	Hạ sĩ, chiến sỹ	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
96	NGÔ QUANG THỦ	1948	01/1967	Tiểu đoàn 409, KN	08/06/1969	Trung sĩ, Tiểu đội phó	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
97	NGUYỄN VĂN BÁI	1939	08/1963	D 6, E 18, Sư đoàn 325, PN	12/08/1969	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
98	NGUYỄN VĂN HÂN	1945	03/1969	E 21 KN	09/12/1971	Hạ sĩ, Chiến sỹ	Vàng Dán, Hoàng Tiến, Chí Linh, HD
99	NGUYỄN VĂN BẢNG	1947	01/1967	KN	03/04/1971	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
100	NGUYỄN VĂN VỌNG	1952	06/1969	P2	07/01/1970	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
101	LÊ XUÂN THỊNH	1952		C 10, D 3, E 1, Sư đoàn 2	20/09/1972	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD

III. LIỆT SĨ THỜI KỲ CHIẾN TRANH BIÊN GIỚI VÀ NGÀY NAY

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Nhập ngũ	Đơn vị	Hy sinh	Cấp bậc, chức vụ	Quê quán
-----	-----------	----------	----------	--------	---------	------------------	----------

1	NGUYỄN HỒNG THÁI	1956	10/02/1975	D 461, Sư đoàn 338	04/03/1979	Trung đội phó	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
2	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	1960	08/1978	C 9, E 9, E66, F10, QK 3	31/12/1978	Binh Nhất, Chiến sĩ	Kỳ Đặc, Văn An, Chí Linh, HD
3	NGUYỄN VĂN THO	1958	01/1977	C 11, D 3, Trung đoàn 28	02/09/1978	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
4	ĐỖ VĂN PHÁN	1954	12/1971	C11, D3, E 201	25/02/1978	Thiếu úy, Trung đội trưởng	Trại Sen, Văn An, Chí Linh, HD
5	NGUYỄN THỊ BÁNH (Tử sĩ)	1960					Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD
6	ĐỖ VĂN BẢN	1958	07/1978	C7- D8- E 16 - Quân khu 7	16/04/1981	H2, Tiểu đội trưởng	Kinh Trung, Văn An, Chí Linh, HD
7	VŨ ĐÌNH BĂNG	1959	06/1977	C11, D3, E 2, F 3	02/03/1979		Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
8	TRẦN VĂN ĐIỂM	1959	01/1977	Đại đội 3, D 7, E 66	10/05/1978	Chiến sĩ	Kiệt Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
9	NGUYỄN VĂN HOÀ	1959	06/1977	C 5, E 3, Lữ đoàn 22	27/04/1978	Hạ sĩ, Chiến sĩ	Kiệt Đông, Văn An, Chí Linh, HD
10	NGUYỄN VĂN THOÀ	1959	06/1977	D 38, E 28, Quân đoàn 3	29/12/1977	Hạ sĩ, Tiểu đội phó	Trại Thượng, Văn An, Chí Linh, HD
11	NGUYỄN VĂN NGỌI	1933	06/1968		10/1990		Hữu Lộc, Văn An, Chí Linh, HD